

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 28-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Ông Vương Văn Mum.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.

Cư trú tại: khu phố Đ, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: chị Ngô Thị Th, sinh năm 1987.

Cư trú tại: khu phố Đ, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ký túc xá Khu CX, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Anh Đ, chị Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị Ngô Thị Th chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Trảng Bàng (nay là

phường A, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình của anh tại khu phố Đ, phường A, anh làm việc tại phường A, chị Th làm công nhân, kinh tế độc lập với gia đình. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, không còn lòng tin về tình cảm đối với nhau, thường xuyên gây gổ nhau, không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, chị Th đã đến tạm trú tại Ký túc xá Khu CX. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị Th.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 13-6-2010 và cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19-9-2018. Cháu P hiện đang sống chung với anh, cháu H theo sống cùng chị Th. Cháu P và cháu H đều rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Anh đồng ý để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - chị Ngô Thị Th trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không quan tâm, lo lắng cho vợ, con, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau và đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn, tiếp tục chung sống cùng nhau. Nay chị đồng ý ly hôn anh Đ.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 13-6-2010 và cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19-9-2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao cháu P cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Ngô Thị Th. Anh Đ được ly hôn chị Th.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 13-6-2010 cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19-9-2018 cho chị Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Đ, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ, chị Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Văn Đ và chị Ngô Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đ và chị Th chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc và dần xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn lòng tin và tình cảm đối với nhau, thường xuyên gây gổ nhau, không còn quan tâm đến nhau và vợ chồng anh Đ, chị Th đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn chung sống với nhau, không ai có thiện chí hàn gắn. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn và chị Th cũng đồng ý ly hôn anh Đ.

Xét thấy, anh Đ và chị Th tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do anh Đ và chị Th đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị Th, cho anh Đ được ly hôn chị Th là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 13-6-2010 hiện đang sống cùng anh Đ; cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19-9-2018 hiện đang theo sống cùng chị Th. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và đồng ý giao cháu H cho

chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu P cũng có nguyện vọng được tiếp tục theo sống cùng anh Đ và chị Th cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh Đ, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Th, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: anh Đ, chị Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: anh Đ, chị Th trình bày không có nợ chung.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Ngô Thị Th.

Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Ngô Thị Th.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 13-6-2010 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 19-9-2018 cho chị Ngô Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh Đ, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Th, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: anh Đ, chị Th không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: anh Đ, chị Th trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026917 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Anh Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Anh Đ, chị Th có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư